

SỔ TAY
BỆNH LÝ & ĐIỀU TRỊ
ĐÔNG VÀ TÂY Y

TẬP III
BỆNH NGOẠI VÀ CHUYÊN KHOA

HỘI Y DƯỢC HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
1992



SỔ TAY
BỆNH LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ
ĐÔNG VÀ TÂY Y

TẬP III : BỆNH NGOẠI VÀ CHUYÊN KHOA

Mua tại ĐHYK SG
14/01/93

BS. ĐỖ DINH LƯƠNG
BS. LÊ MINH
Y.S. NGUYỄN VĂN NAM
GS. NGUYỄN VĂN MIỀN
BS. NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN
DS. HUYNH VĂN NHÌM
BS. NGUYỄN VĂN NHƯ
DS. PHẠM THỊ PHONG
BS. ĐỖ MINH QUANG
BS. Y. VĂN QUY
BS. TRƯƠNG VĂN QUYNH
BS. BÔNG THỊ HOÀI TÂM
GS. VÕ TÂN
BS. PHẠM HỮU THÁNH
BS. PHẠM NGỌC THÁNH
BS. DƯƠNG ĐỨC THÁNH
BS. TRƯƠNG THỊN
BS. PHẠM THỊ TRƯỜNG
BS. PHẠM DINH TUÂN
DS. LƯU HUU TUYẾN
BS. TRẦN THIỆN TỬ
GS. NGUYỄN VĂN TỬ
BS. NGUYỄN THỊ THÁNH
BS. TRẦN DINH LƯƠNG

BS. ĐỖ DINH LƯƠNG
BS. LÊ MINH
Y.S. NGUYỄN VĂN NAM
GS. NGUYỄN VĂN MIỀN
BS. NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN
DS. HUYNH VĂN NHÌM
BS. NGUYỄN VĂN NHƯ
DS. PHẠM THỊ PHONG
BS. ĐỖ MINH QUANG
BS. Y. VĂN QUY
BS. TRƯƠNG VĂN QUYNH
BS. BÔNG THỊ HOÀI TÂM
GS. VÕ TÂN
BS. PHẠM HỮU THÁNH
BS. PHẠM NGỌC THÁNH
BS. DƯƠNG ĐỨC THÁNH
BS. TRƯƠNG THỊN
BS. PHẠM THỊ TRƯỜNG
BS. PHẠM DINH TUÂN
DS. LƯU HUU TUYẾN
BS. TRẦN THIỆN TỬ
GS. NGUYỄN VĂN TỬ
BS. NGUYỄN THỊ THÁNH
BS. TRẦN DINH LƯƠNG

SỔ TAY
BỆNH LÝ & ĐIỀU TRỊ

ĐÔNG VÀ TÂY Y

TẬP BA

BỆNH NGOẠI VÀ CHUYÊN KHOA

LƯU HÀNH NỘI BỘ

HỘI Y DƯỢC HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
1992

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi rất vui mừng nhận được quyển Sổ tay Bệnh lý và Điều trị Đông Tây Y do nhóm chủ biên thuộc Hội Y Dược học Thành phố Hồ Chí Minh gửi đến để nhờ viết lời giới thiệu.

Đây là một công trình có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn do một tập thể gồm các Giáo sư, Bác sĩ, Dược sĩ, Nha sĩ phần lớn là Hội viên của Hội Y Dược học Thành phố, hợp lại để dịch và soạn thảo.

Tôi được theo dõi việc thực hiện cuốn SỔ TAY này từ đầu và nhận thấy đây là một cố gắng lớn của Ban Biên tập, cũng như của Hội Y dược học Thành phố, nhằm giúp ích không những cho y giới - Đông và Tây, các đồng nghiệp Bác sĩ, Dược sĩ, Nha sĩ, các Lương Y, các sinh viên Y khoa, mà còn cho mỗi gia đình được một quyển sách chuyên khoa y học có tính cách thực hành để tham khảo khi cần.

Nên y học ngày nay có những bước tiến lớn về mặt lý thuyết cũng như kỹ thuật thực hành, với những trang thiết bị hiện đại, những dược chất mới có hiệu quả cao, do đó giá trị của sách y học là phải mang tính thời sự. Tôi tin rằng Ban Biên tập sẽ theo dõi và kịp thời bổ sung những kiến thức mới cho quyển SỔ TAY này ngày càng hoàn hảo hơn.

LỜI NÓI ĐẦU

Nền y học cổ truyền của ta cũng rất phong phú, có những phương thức điều trị hay, những bài thuốc có giá trị, do đó, cần được các thầy thuốc, các nhà khoa học sưu tầm, nghiên cứu, kiểm nghiệm, xác minh và đưa vào các tài liệu y học, giúp cho ngành y tế có thêm nhiều phương thức và phương tiện bảo vệ sức khỏe.

Tôi cũng rất hoan nghênh việc làm của Ban Biên tập gồm các thầy thuốc có kinh nghiệm như : GS. NGÔ GIA HY, GS. BÙI CHÍ HIẾU, BS. LÊ CỬU TRƯỜNG, BS. TRẦN XUÂN THU, cùng tập thể cộng tác viên để xuất bản cuốn **SỔ TAY** này, thực hiện chức năng của Hội Y Dược học là phổ biến kiến thức và nâng cao tay nghề của các thầy thuốc nhằm phục vụ sức khỏe nhân dân.

Tôi thành thật chúc Hội Y Dược Học Thành phố đạt kết quả tốt trong việc phổ biến quyển "**SỔ TAY BỆNH LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ ĐÔNG TÂY Y**" này.

BS. DƯƠNG QUANG TRUNG
GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

SỬA BẢN IN : PHẠM HÀ THANH
TRƯƠNG VĂN QUỲNH
TRÌNH BÀY : NGUYỄN HÀ
THỰC HIỆN : DƯƠNG ĐỨC THÀNH

SỔ TAY BỆNH LÝ & ĐIỀU TRỊ - ĐÔNG VÀ TÂY - TẬP III

☆ GIẤY PHÉP SỐ 197/XBNT - 6P DO SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP NGÀY 27.7.92

☆ IN 1300 CUỐN - KHỔ 14 x 20 cm

☆ IN TẠI XÍ NGHIỆP IN PAPRINEX

☆ NỘP LƯU CHIẾU THÁNG 11 - 1992

TẬP III : BỆNH NGOẠI VÀ CHUYÊN KHOA

CHƯƠNG I :

BỆNH DA LIỄU (DA) Trang DERMATOLOGIE

1.	Ban đỏ đa dạng	• Érythème polymorphe	21
2.	Ban đỏ nút	• Érythème noueux	24
3.	Ap-tơ (Đẹn khuyết)	• Aphte	28
4.	Bệnh bạch biến	• Vitiligo	33
5.	Bệnh chất tạo keo	• Collagénose	36
6.	Bệnh da bóng nước	• Dermatose bulleuse	41
7.	Bệnh da ở nhũ nhi	• Dermatose du nourrisson	45
8.	Bệnh viêm quầng	• Érysipèle	50
9.	Bệnh giang mai	• Syphilis	54
10.	Bệnh chốc lở	• Impétigo	58
11.	Bệnh ký sinh trùng ngoài da	• Parasitose externe	61
12.	Bệnh lao nội tạng và lao da	• Tuberculose viscérale et cutanée	66
13.	Bệnh móng tay chân	• Pathologie des ongles	71
14.	Bệnh nấm ở da	• Mycose cutanée	76
15.	Bệnh nhọt	• Furonculose	80
16.	Bệnh Sycosis	• Sycosis	84
17.	Bệnh vẩy nến	• Psoriasis	87
18.	Bệnh Zona	• Zona	91
19.	Hăm kẽ	• Intertrigo	95
20.	Lichen phẳng	• Lichen plan	98
21.	Mụn	• Acné	100
22.	Ngứa hậu môn - âm hộ	• Prurit ano-vulvaire	105

23.	Naevus hắc tố, Mụn cóc	● Noevus mélanique-Verrue	109
24.	Chẩn đoán - Phát ban mụn nước	● Diagnostic d'une éruption vésiculeuse	113
25.	Rụng tóc	● Alopécie	116
26.	Tăng tiết bã nhờn	● Séborrhée	120
27.	U mạch ở da	● Angiome cutané	123
28.	Viêm môi	● Chéilite	126
29.	Viêm mủ da	● Pyodermite	129
30.	Viêm quy đầu	● Balanite	132

CHƯƠNG II :

KHOA MẮT (MA)

OPHTALMOLOGIE

31.	Bệnh tăng nhãn áp	● Glaucome	141
32.	Chấn thương mắt	● Oeil traumatique	146
33.	Đục thể thủy tinh người già	● Cataracte sénile	150
34.	Hiện tượng ruồi bay	● Mouches volantes	154
35.	Lé mắt ở trẻ em	● Strabisme de l'enfant	157
36.	Mất thị giác đột ngột	● Vision (Perte brutale de la)	160
37.	Mí mắt - thương tổn	● Paupière (Atteinte de la)	163
38.	Rối loạn khúc xạ	● Réfraction (troubles de la)	166
39.	Thị giác ở trẻ em	● Vision chez l'enfant	170

CHƯƠNG III :

KHOA NIỆU

SYSTÈME URO

SINH DỤC (NI)

- GÉNITAL

40.	Bệnh dạng tinh bột	● Maladie amyloïde	177
41.	Cơn đau quặn thận. Sỏi thận	● Colique néphrétique - Lithiase rénale.	181
42.	Hội chứng hư thận	● Syndrome néphrotique	187

43.	Huyết niệu	● Hématurie	191
44.	Nhiễm khuẩn niệu cấp tính người lớn	● Infection urinaire aigue chez l'adulte	195
45.	Rối loạn lúc tiểu tiện	● Troubles de la miction	200
46.	Suy thận mạn tính	● Insuffisance rénale chronique	205
47.	Viêm niệu đạo không lậu cầu	● Urétrite non gonococcique	212
48.	Viêm niệu đạo lậu cầu - Bệnh lậu	● Urétrite gonococcique - Blennorragie	217
49.	Viêm thận - tiểu cầu cấp tính do nhiễm khuẩn	● Glomérulo - néphrite aigue infectieuse	222
50.	Viêm tinh hoàn- mào tinh cấp	● Orchi - Epididymite aigue	227
51.	Viêm tuyến tiền liệt cấp và mạn tính	● Prostatite aigue et chronique	230

CHƯƠNG IV :

KHOA PHẪU THUẬT (PT) CHIRURGIE

52.	Bệnh lao xương - khớp	● Tuberculose ostéo - articulaire	237
53.	Bong gân	● Entorse	241
54.	Phồng	● Brulure	244
55.	Khám một người bị chấn thương	● Examen d'un traumatisé	248
56.	Chấn thương sọ não	● Traumatismes crânio - Cérébraux	252
57.	Rối loạn cân bằng cột sống ở trẻ em	● Troubles statiques du rachis chez l'enfant.	256
58.	Chẩn đoán gãy xương	● Diagnostic d'une fracture	261
59.	Màng mô hoại tử	● Escarre	265
60.	Áp xe nóng - Chín mé	● Abcèschaud	268

- Sẹo lồi	- Parauris Cheloidé	
- Vết thương nhiễm khuẩn	- Plaies infectées	
61. Viêm hạch	• Adénite	277

CHƯƠNG V :

KHOA PHỤ SẢN (PS)	GYNÉCO - OBSTÉTRIQUE	
62. Bệnh lý buồng trứng	• Pathologie de l'ovaire	283
63. Bệnh lý cổ tử cung	• Pathologie du col utérin	288
64. Bệnh lây qua đường sinh dục	• Maladies sexuelles transmissibles	292
65. Bệnh vú lành	• Mastopathie bénigne	298
66. Kinh nguyệt. Thống kinh. Bệnh lạc nội mạc tử cung	• Règles - Dysménorrhée - Endométriose	302
67. Rối loạn kinh nguyệt	• Troubles des règles	306
68. Mãn kinh	• Ménopause	310
69. Ngừa thai	• Contraception	315
70. Những phương pháp ngừa thai	• Contraception - Diverses méthodes	318
71. Những vấn đề riêng biệt ngừa thai	• Contraception - Problèmes particuliers	323
72. Phụ khoa liên quan đến bé gái	• Problèmes gynécologiques chez la petite fille	326
73. Sảy thai	• Avortement	332
74. Sinh sữa và biến chứng	• Lactation et ses complications	336
75. Thai nghén (theo dõi bình thường)	• Grossesse : Surveillance normale	341
76. Thai nghén (theo dõi nguy cơ sinh khó)	• Grossesse : Surveillance des femmes à risque	345
77. Thai nghén : Xuất huyết	• Hémorragies de la grossesse	350
78. Thai nghén : sản khó	• Grossesse (Dysgravidie)	355
79. Tiểu không kèm đái và sa sinh dục	• Incontinence et prolapsus génito-urinaire	360

79.	Tuổi dậy thì - Rối loạn và các vấn đề	• Puberté - Troubles et ses problèmes	368
81.	Viêm bộ phận phụ sinh dục	• Annexite	371
82.	Vô sinh	• Stérilité	376

CHƯƠNG VI :

KHOA TAI MŨI HỌNG (TMH) OTO - RHINO - LARYN GOLOGIE

83.	Bệnh tuyến mang tai	• Affections de la parotide	385
84.	Chảy máu cam	• Epistaxis	390
85.	Điếc đột ngột	• Surdit�� d'apparition brusque	393
86.	Kh�� ph��t ��m	• Dysphonie	397
87.	M�� kh��i qu��n	• Trach��otomie	401
88.	�� tai	• Bourdonnements d'oreille	404
89.	Vi��m h��u m��n	• Pharyngite chronique	408
90.	Vi��m h��ng	• Angine	412
91.	Vi��m kh��i qu��n	• Trach��ite	418
92.	Vi��m l��i	• Glossite	422
93.	Vi��m n��u - mi��ng	• Stomato - gingivite	426
94.	Vi��m m��i cấp t��nh	• Rhinite aigue	430
95.	Vi��m tai cấp t��nh	• Otite aigue	434
96.	Vi��m tai m��n t��nh	• Otite chronique	439
97.	Vi��m thanh qu��n cấp t��nh	• Laryngite aigue	442
98.	Vi��m xoang	• Sinusite	448

CHƯƠNG VII :

B  NH THI  N KINH - T  M THI  N (TK) NEURO - PSYCHIATRIE

99.	B��nh th��n kinh ngo��i vi	• Neuropathies p��r��ph��riques	457
-----	----------------------------	---------------------------------	-----

100. Cảm giác kiến bò hoặc dị cảm ở ngón tay	• Fourmillements ou paresthésies des doigts	462
101. Cấp cứu bệnh tâm thần	• Urgences psychiatriques	465
102. Co giật và động kinh ở trẻ em	• Convulsions et épilepsies chez le jeune enfant	470
103. Đau dây thần kinh mặt	• Algies faciales	475
104. Động kinh	• Epilepsie	480
105. Chẩn đoán hôn mê	• Diagnostie d'un coma	487
106. Liệt hai chi dưới	• Paraplégie	492
107. Liệt dây thần kinh ngoại vi	• Paralysie faciale périphérique	496
108. Đau loạn dưỡng thần kinh	• Algo - neurodystrophie	502
109. Loạn tâm thần cấp tính	• Psychoses aiguës	506
110. Lú lẫn tâm thần	• Confusion mentale	511
111. Loạn tâm thần mạn tính	• Psychose chronique	516
112. Bệnh nhiều tâm	• Névrose	520
113. Nghiện rượu	• Alcoolisme	523
114. Bệnh Parkinson	• Maladie de Parkinson	528
115. Suy nhược tâm thần	• Asthénie psychique	534
116. Suy yếu tâm thần ở trẻ em	• Débilité mentale chez l'enfant	537
117. Áp lực tăng trong sọ	• Hypertension intracrânienne	541
118. Trầm cảm	• Dépression	545
119. Mơ toan tự tử	• Tentative de suicide	550
120. U sầu	• Mélancolie	554
121. Viêm nhiều dây	• Polynévrite	557

CHƯƠNG VIII :

BỆNH THẤP KHỚP RHEUMATOLOG (TK)

122. Bàn chân đau	• Pied douloureux	565
-------------------	-------------------	-----

123. Bệnh hư khớp	● Arthrose	570
124. Bệnh hư khớp : những định vị chính yếu	● Arthrose - Principales localisations	573
125. Bệnh lý bàn tay	● Pathologie de la main	577
126. Bệnh lý khuỷu tay	● Pathologie du coude	581
127. Bệnh Paget	● Maladie de Paget	585
128. Bệnh thấp ngoài khớp	● Rhumatisme ab - articulaire	588
129. Đau dây thần kinh tọa	● Sciatique	593
130. Mất khoáng lan tỏa	● Déminéralisation diffuse	598
131. Vẹo cổ	● Torticollis	603
132. Viêm khớp chậu - cột sống thấp khớp	● Pelvispondylite rhumatismale	606
133. Viêm đa khớp dạng thấp	● Polyarthrite rhumatoide	609

CHƯƠNG IX :

BỆNH TIÊU HÓA (TI) GASTRO ENTÉROLOGIE

134. Bệnh do amibe	● Amibiase	619
135. Bệnh lý hậu môn - trực tràng	● Pathologie ano - rectale	624
136. Bệnh lý đại tràng	● Pathologie du côlon	628
137. Bệnh sỏi mật	● Lithiase biliaire	633
138. Hậu phẫu cắt bỏ dạ dày	● Suites des gastrectomies	637
139. Cổ trướng	● Ascite	641
140. Cơn đau quặn gan	● Colique hépatique	646
141. Dị vật trong đường thông khí và thực quản	● Corps étrangers des voies aériennes et de l'oesophage	649
142. Hẹp môn vị	● Sténose du pylore	653
143. Hôi lưu dạ dày - thực quản	● Reflux gastro oesophagien	656
144. Hôn mê gan	● Coma hépatique	660
145. Loạn vận động đường mật	● Dyskinésie biliaire	664
146. Loét dạ dày - tá tràng	● Ulcères gastro duodénaux	668

147. Nấc	● Hoquet	673
148.Ợ nóng	● Pyrosis	676
149. Chứng phân mỡ	● Stéatorrhée	679
150. Tăng huyết áp tĩnh mạch cửa	● Hypertension portale	683
151. Thoát vị khe hoành	● Hernie hiatale	687
152. Tiêu chảy mạn tính ở người lớn	● Diarrhée chronique chez l'adulte	690
153. Viêm dạ dày và viêm tá tràng	● Gastrite et duodénite	694
154. Viêm gan do virus	● Hépatites à virus	697
155. Viêm gan nhiễm độc	● Hépatites toxiques	702
156. Viêm đại tràng	● Colite	707
157. Viêm tụy	● Pancréatite	713
158. Xơ gan	● Cirrhose	718

CHƯƠNG X :

UNG THƯ (UN)

CANCÉROLOGIE

159. Bệnh bạch cầu	● Leucémie	725
160. Bệnh Hodgkin	● Maladie de Hodgkin	729
161. Bệnh Kahler	● Maladie de Kahler	732
162. Bệnh học thận tử cung	● Pathologie du corps utérin	734
163. U và ung thư tuyến tiền liệt	● Adénome et cancer de la prostate	737
164. Ung thư phổi tiên phát	● Cancer primitif du poumon	742
165. Ung thư vú	● Cancer du sein	745

PHỤ LỤC

1. Phương pháp dưỡng sinh - Điều trị một số bệnh	● BS. Nguyễn Văn Hưởng - BS. Huỳnh Uyển Liên	749
2. Châm giảm đau trong	● GS. Bùi Chí Hiếu	768

3.	phẫu thuật ngoại khoa Giới thiệu một phương pháp chẩn đoán & châm cứu trị liệu	• BS. Phan Quan Chí Hiếu • BS. Trương Thìn	788
4.	Hàng số sinh hoá		790
5.	Ion đồ		811

• Histiocytose	151
• Diarrhée chronique	152
• Cholestase	153
• Gastrite et duodénite	154
• Hépatite à virus	155
• Hépatites toxiques	156
• Colite	157
• Pancréatite	158
• Cirrhose	159

CHƯƠNG X :

CANCEROLOGIE

UNG THƯ (UN)

• Bénigne	160
• Maladie de Hodgkin	161
• Maladie de Kaposi	162
• Pathologie du corps entier	163
• Adénome et cancer	164
• De la prostate	165
• Cancer primitif du pectoral	166
• Cancer du sein	167

PHỤ LỤC

• Bảng phân loại ung thư	168
• Bảng phân loại ung thư	169
• Bảng phân loại ung thư	170